

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **10/2020/DS-ST**

Ngày 13/02/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Đức Lâm

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Xóm Đ, thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn K- Sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh 1982; Địa chỉ: Xóm Đ, thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (anh Nguyễn Văn C) trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng anh có cho anh Hoàng Văn K, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh B vay tiền. Ngày 01/4/2019 anh và anh K cùng đến Văn phòng công chứng Hoàng Thị Hồng Nga lập Hợp đồng vay, nội dung anh K vay của anh số tiền là 356.000.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng),

thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 01/4/2019 đến 01/5/2019, lãi suất cho vay tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, đến ngày 01/5/2019 theo hẹn anh sang nhà anh K để đòi tiền nhưng mẹ anh K trả lời phải đợi thêm thời gian nữa. Một thời gian sau anh tìm gặp anh K nhưng không gặp được, gọi điện thì không nghe máy nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho anh. Vì vậy anh đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu anh K phải trả cho anh số tiền gốc còn nợ là 356.000.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng), anh K phải thanh toán số tiền lãi chậm trả và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến nay.

Bị đơn (anh Hoàng Văn K): Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của anh K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của anh K. Tòa án cùng với cán bộ địa phương về trực tiếp tại gia đình anh K nhiều lần nhưng anh K không có mặt ở nhà. Gia đình anh K (bà Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1961- là mẹ đẻ của anh K và chị Phạm Thị Y, sinh năm 1983- vợ của anh K) trình bày: Anh K trước đây bị Công an huyện Yên Dũng bắt tạm giam về tội gì gia đình không biết, nhưng gia đình đã làm đơn xin cho anh K được tại ngoại và hiện nay anh K đã được tại ngoại về gia đình. Gia đình có nhận được giấy triệu tập của Tòa án triệu tập anh K lên Tòa án làm việc về việc anh C có đơn khởi kiện yêu cầu anh K trả tiền vay, anh K đã biết việc này do gia đình thông báo cho anh K nhưng anh K bận công việc chưa lên Tòa án để làm việc được. Anh K vẫn nói với gia đình là có vay tiền của anh C nhưng hiện tại gia đình chưa bán được đất nên chưa trả tiền cho anh C được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Phạm Thị Y) trình bày: Chị là vợ của anh Hoàng Văn K nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2019 đến nay và không quan tâm gì đến nhau. Việc anh K trước đây vay tiền của anh C thế nào chị không biết, anh K không hề nói chuyện gì với chị về việc anh K vay tiền của anh C, chỉ khi anh C cho người về đòi nợ thì chị mới biết anh K vay tiền của anh C. Anh K vay bao nhiêu tiền của anh C chị không biết và chị cũng không được sử dụng số tiền này, anh K cũng không đưa cho chị và không sử dụng vào việc chi tiêu trong gia đình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị T) trình bày: Chị nhất trí với ý kiến của anh Nguyễn Văn C- chồng chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 468, 470; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

Buộc anh Hoàng Văn K phải có nghĩa vụ thanh toán trả anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T số tiền vay nợ gốc là 356.000.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Văn K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Anh Nguyễn Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn C số tiền 8.900.000đ (Tám triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000037 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Hoàng Văn K (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2019 của anh Nguyễn Văn C đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

Anh Nguyễn Văn C và anh Hoàng Văn K tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày 01/4/2019 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Hoàng Thị Hồng Nga cùng ngày 01/4/2019, được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn C yêu cầu anh Hoàng Văn K phải trả 356.000.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng), thấy rằng: Anh C xác định sau khi ký kết công chứng hợp đồng vay tài sản anh C đã giao đủ cho anh Hoàng Văn K số tiền vay là 356.000.000đ, anh K đã nhận đủ tiền. Đến hạn trả tiền anh C đã đến gia đình anh K đòi nhiều lần nhưng anh K không trả được số tiền nào. Bà Nguyễn Thị Phương là mẹ đẻ của anh K cũng xác nhận anh K có nợ tiền vay của anh C, do anh K đã nói việc vay tiền của anh C cho gia đình biết, nhưng hiện tại gia đình chưa bán được đất nên chưa có tiền để trả cho anh C.

Đối với anh Hoàng Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của anh K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của anh K tại Tòa án. Do đó, hậu quả của việc anh K không đưa ra ý kiến, quan điểm gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng nhưng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì anh K phải tự chịu trách nhiệm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy trong

giấy vay tiền chỉ có một mình anh K ký nhận vay tiền, anh C cũng xác định khi vay tiền chỉ có một mình anh K vay. Tại Tòa án anh C không đưa ra được chứng cứ anh K vay tiền dùng vào kinh doanh phục vụ kinh tế gia đình hay chi vào việc thiết yếu trong gia đình anh K. Việc thỏa thuận và nhận tiền vay đều do một mình anh K đứng ra giao dịch với anh C. Chị Phạm Thị Y xác định không biết việc anh K vay tiền của anh C và anh K không sử dụng số tiền này phục vụ cho gia đình, Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có đủ căn cứ để xác định anh K vay tiền là để phục vụ cho lợi ích chung của gia đình. Do đó, không có đủ căn cứ để buộc anh K, chị Y phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc cho anh C, chị T đối với hợp đồng vay tài sản nêu trên. Vì vậy, chỉ có đủ căn cứ để buộc anh Hoàng Văn K phải chịu trách nhiệm thanh toán trả tiền gốc cho anh C, chị T là 356.000.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng), cho nên yêu cầu của anh C là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2].2. Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn C yêu cầu anh Hoàng Văn K phải thanh toán cho anh C, chị T số tiền lãi phát sinh từ khi anh K vay là ngày 01/4/2019, từ khi vay cho đến nay anh K chưa thanh toán trả tiền lãi trong hạn và quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong hợp đồng vay hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu, lãi suất tính theo Ngân hàng nông nghiệp thì tính ở thời điểm nào nên không xác định rõ về lãi suất. Do đó trong thời hạn vay của hợp đồng và đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi của hợp đồng anh K chưa thanh toán trả cho anh C, chị T đã vi phạm vào thỏa thuận về thời hạn trả nợ và thanh toán lãi, vì vậy anh K phải chịu lãi suất trong hạn của hợp đồng và lãi suất quá hạn theo mức lãi suất là 10%/1 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy cần tính mức lãi suất là 10%/1 năm để buộc anh K phải thanh toán lãi trả cho anh C, chị T đối với số tiền anh K chậm trả. Đối hợp đồng vay ngày 01/4/2019 anh C xác định anh K chưa thanh toán tiền lãi kể từ ngày vay cho đến nay. Như vậy, lãi của hợp đồng vay được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng vay ngày 01/4/2019 số tiền gốc là 356.000.000đ đến ngày xét xử sơ thẩm (13/02/2020) là 10 tháng 12 ngày, số tiền lãi là: $(356.000.000đ \times 10\% \times 10 \text{ tháng} : 12 = 29.666.700đ) + (356.000.000đ \times 10\% : 12 \times 12 \text{ ngày} : 30 = 1.186.700đ) = 30.853.400đ$ (Ba mươi triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Như vậy, tổng số tiền lãi anh K phải thanh toán trả anh C, chị T là: **30.853.400đ** (Ba mươi triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Vì vậy, yêu cầu của anh Nguyễn Văn C yêu cầu anh Hoàng Văn K phải thanh toán lãi của số tiền gốc còn nợ theo quy định của pháp luật được chấp nhận, cần buộc anh K phải thanh toán tổng số lãi trên số tiền gốc còn nợ của hợp đồng vay cho anh C, chị T là: **30.853.400đ** (Ba mươi triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

[3]. Về án phí: yêu cầu của anh Nguyễn Văn C được chấp nhận, vì vậy anh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Hoàng Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 468, 470; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

Buộc anh Hoàng Văn K phải có nghĩa vụ thanh toán trả anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T số tiền còn nợ là **386.853.400đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng)**, trong đó số tiền nợ gốc là 356.000.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng), tiền lãi là 30.853.400đ (Ba mươi triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Văn K phải chịu 19.342.700đ (Mười chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Nguyễn Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.900.000đ (Tám triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000037 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- L- u.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn

